BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 70/2018/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2018*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 3011
Ngày: 21/8/18
Chuyển: KTy(An)

THÔNG TƯ

Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Thông tư này quy định quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020 (sau đây viết tắt là Chương trình).

b) Đối với các khoản viện trợ không hoàn lại hoặc các khoản hỗ trợ có mục đích, địa chỉ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các dự án thuộc Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh thì thực hiện theo quy định của nhà tài trợ (nếu có) hoặc theo quy định của cơ quan chủ quản sau khi có sự thỏa thuận của đại diện nhà tài trợ và Bộ Tài chính

(nếu có); trường hợp nhà tài trợ hoặc đại diện nhà tài trợ và Bộ Tài chính không có quy định riêng thì áp dụng theo quy định tại Thông tư này.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi chung là các Bộ, cơ quan trung ương); ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp của Chương trình.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Ngân sách trung ương bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các Bộ, cơ quan trung ương để thực hiện nhiệm vụ được giao của Chương trình; bổ sung có mục tiêu cho các địa phương để triển khai các nhiệm vụ của Chương trình.

2. Ngân sách địa phương bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm cùng với nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho Chương trình, lồng ghép với các nguồn vốn khác trên địa bàn để thực hiện tốt các mục tiêu của Chương trình.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI

Điều 3. Các nhiệm vụ chi

1. Hợp phần biến đổi khí hậu (Dự án thành phần số 1)

a) Cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam;

b) Cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, đánh giá khí hậu của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Thực hiện rà soát, cập nhật quy hoạch khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch thủy lợi; giao thông; xây dựng theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu;

d) Đánh giá khí hậu quốc gia;

e) Cập nhật kế hoạch hành động quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

f) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu của Việt Nam;

g) Xây dựng tài liệu, phổ biến kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao trách nhiệm của cộng đồng về: thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí

nhà kính; cơ hội của biến đổi khí hậu; Thỏa thuận Paris, cơ hội và thách thức của Việt Nam cũng như các nỗ lực cùng cộng đồng quốc tế bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất, tạo đà tiếp tục thu hút nguồn lực đầu tư từ cộng đồng quốc tế cho giai đoạn 2016-2020 và các năm tiếp theo;

h) Xây dựng mô hình phát triển sinh kế cộng đồng cho khu vực Đồng bằng Sông Hồng thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước;

i) Triển khai một số hành động chính sách bắt buộc về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thích ứng biến đổi khí hậu trong Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu nêu tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;

k) Quản lý, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

2. Hợp phần tăng trưởng xanh (dự án thành phần số 3):

a) 03 hành động chính sách là cam kết của Bộ Kế hoạch và Đầu tư với các nhà tài trợ;

b) Tính toán mô hình chi phí cận biên giảm phát thải (MACC), hệ thống giám sát đánh giá cấp địa phương và xây dựng kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của khoảng 15 tỉnh;

c) Đào tạo nâng cao năng lực, thu thập số liệu đầu vào tại các địa phương;

d) Đào tạo, truyền thông cho khu vực tư nhân, ngân hàng thương mại;

e) Xây dựng kế hoạch hành động tăng trưởng xanh thực hiện đóng góp quốc gia tự quyết định - NDC (đối với các bộ chưa có); hệ thống giám sát đánh giá; đường cơ sở; đào tạo... (thực hiện kế hoạch hành động tăng trưởng xanh quốc gia nhiệm vụ các bộ tiến tới thực hiện NDC).

Điều 4. Mức chi

1. Mức chi thực hiện các nhiệm vụ chi sự nghiệp của Chương trình thực hiện theo chế độ chi tiêu hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Thông tư này hướng dẫn thêm một số mức chi như sau:

a) Chi xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: Theo quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học. Trường hợp xây dựng sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ, mức chi theo thực tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong phạm vi dự toán được giao.

b) Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ: Theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài

chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

c) Chi điều tra, khảo sát: Theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

d) Chi công tác phí, hội nghị: Theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

e) Chi tạo lập thông tin, cơ sở dữ liệu: Theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của liên Bộ: Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư - Thông tin truyền thông về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

3. Căn cứ quy định tại Thông tư này và khả năng ngân sách địa phương: Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình cho phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương và đảm bảo theo quy định hiện hành.

Chương III

LẬP DỰ TOÁN, CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

Điều 5. Công tác lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước

Việc lập, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước. Thông tư này hướng dẫn cụ thể một số điểm như sau:

1. Các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm và dự toán ngân sách năm sau thực hiện Chương trình, chi tiết theo từng Dự án/nhiệm vụ gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường (đối với dự án thành phần số 1), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án thành phần số 3) trước ngày 20 tháng 7 năm hiện hành; Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường (cơ quan chủ Chương trình) để tổng hợp chung.

2. Căn cứ dự toán chi Chương trình do các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi, Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, tổng hợp kế

hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm và dự toán ngân sách năm sau thực hiện Chương trình gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 8 năm hiện hành.

3. Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm và dự toán năm sau quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này phải thuyết minh rõ mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu đạt được hàng năm, lũy kế đạt được vào cuối mỗi năm kế hoạch và cơ sở tính toán kinh phí tương ứng theo từng dự án/nhiệm vụ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Các nhiệm vụ thuộc Chương trình đã được phê duyệt và triển khai thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2010/TTLT-BTNMT-BTC-BKHĐT ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2009-2015.

Điều 7. Chế độ báo cáo, kiểm tra

1. Các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương định kỳ (6 tháng, hàng năm) có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (trong báo cáo nêu rõ tình hình thực hiện, giải ngân kinh phí do ngân sách trung ương hỗ trợ, tình hình bố trí ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của địa phương). Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 20 tháng 7 năm hiện hành, báo cáo năm gửi trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương chủ trì, phối hợp với các cơ quan tài chính cùng cấp kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ, việc quản lý, sử dụng kinh phí tại các đơn vị nhằm đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 9 năm 2018. Thông tư liên tịch số 07/2010/TTLT-BTNMT-BTC-BKHĐT ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2009-2015 hết hiệu lực từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư,Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các tổ chức chính trị - xã hội;
- Sở Tài chính, Sở TN&MT, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Cổng TTĐT Chính phủ, Cổng TTĐT Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ HCSN (450 b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu